|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT THÀNH PHỐ   |  | | --- | | **ĐỀ SỐ 1** |   **TRƯỜNG THCS** | **ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II**  **NĂM HỌC 2023- 2024**  **Môn: Ngữ văn –Lớp 8 ( Tiết 138+ 139 )**  Thời gian: 90 phút*( không kể thời gian giao đề)* |

**I. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn. Truyện lịch sử | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | 60 |
| Văn bản nghị luận |
| Văn bản thông tin |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề của đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| Phân tích một tác phẩm văn học. |
| Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/**  **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn, Truyện lịch sử. | **Nhận biết:**  - Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu.  - Nhận biết được nhân vật, cốt truyện, tình huống, các biện pháp xây dựng nhân vật.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục đích giao tiếp.  **Thông hiểu**:  - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện.  - Phân tích được vai trò, tác dụng của cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.  - Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.  - Xác định được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng; sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ, câu hỏi tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua văn bản.  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.  - Vận dụng những hiểu biết về vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học để đánh giá giá trị của tác phẩm. | 3 TN | 5TN | 2 TL |  |
| Văn bản nghị luận | **Nhận biết:**  - Xác định được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục giao tiếp được sử dụng trong văn bản. Xác định được một số thành ngữ thông dụng, các yếu tố Hán Việt.  **Thông hiểu:**  - Nêu được nội dung bao quát của văn bản.  - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.  - Phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.  - Xác định được sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả. |
| Văn bản thông tin | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đặc điểm của một số kiểu văn bản thông tin như: văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem.  - Nhận biết được cách trình bày thông tin trong văn bản như theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng của đối tượng hoặc cách so sánh và đối chiếu.  - Nhận biết được các trợ từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục giao tiếp được sử dụng trong văn bản. Xác định được một số thành ngữ thông dụng, các yếu tố Hán Việt.  **Thông hiểu**:  - Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản.  - Phân tích được đặc điểm của một số kiểu văn bản thông tin: văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  - Phân tích được cách trình bày thông tin trong văn bản như theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng của đối tượng hoặc cách so sánh và đối chiếu.  **Vận dụng**:  - Liên hệ được thông tin trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.  - Đánh giá được hiệu quả biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản cụ thể. |
| **2** | **Viết** | Phân tích một tác phẩm văn học. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:** Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. |  |  |  | 1TL\* |
|  |  | Nghị luận về một vấn đề của đời sống. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:** Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống. Trình bày rõ vấn đề và thể hiện rõ ý kiến (đồng tình hay phản đối) về vấn đề đó; nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. |
|  |  | Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:** Viết được bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách; nêu được những thông tin quan trọng; trình bày mạch lạc, thuyết phục. |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên:..............................................  Lớp 8:....................................................  **Điểm** | *Ngày kiểm tra:……../……../ 2024*  **ĐỀ KTĐG CUỐI HỌC KÌ II**  **NĂM HỌC 2023- 2024**  **Môn: Ngữ văn –Lớp 8 ( Tiết 138+139 )**  Thời gian: 90 phút*( không kể thời gian giao đề)* |

**ĐỀ SỐ 1**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

**Thái sư (1) Trần Thủ Độ**

Trần Thủ Độ là người có công lập nên nhà Trần, lại là chú của vua và đứng đầu trăm quan, nhưng không vì thế mà tự cho phép mình vượt qua phép nước.

Có lần, Linh Từ Quốc Mẫu, vợ ông, muốn xin chức câu đương(2), không thể ví như những câu đương khác. Vì vậy phải chặt một ngón chân để phân biệt. Người ấy kêu van mãi, ông mới tha cho.

Một lần khác, Linh Từ Quốc Mẫu ngồi kiệu(3) đi qua chỗ thềm cấm, bị một người quân hiệu(4) ngăn lại. Về nhà, bà khóc:

- Tôi là vợ thái sư mà bị kẻ dưới khinh nhờn.

Ông cho bắt người quân hiệu đến. Người này nghĩ là phải chết. Nhưng khi nghe anh ta kể rõ ngọn ngành, ông bảo:

- Ngươi ở chức thấp mà biết giữ phép nước như thế, ta còn trách gì nữa.

Nói rồi, lấy vàng, lụa thưởng cho.

Trần Thủ Độ có công lớn, vua cũng phải nể. Có viên quan nhân lúc vào chầu vua, ứa nước mắt tâu:

- Bệ hạ còn trẻ mà thái sư chuyên quyền, không biết rồi xã tắc(5) sẽ ra sao. Hạ thần lấy làm lo lắm. Vua đem viên quan đến gặp Trần Thủ Độ và nói:

- Kẻ nào dám tâu xằng với trẫm là Thượng phụ(6) chuyên quyền, nguy cho xã tắc.

Trần Thủ Độ trầm ngâm suy nghĩ rồi tâu:

- Quả có chuyện như vậy. Xin bệ hạ quở trách thần và ban thưởng cho người nói thật.

*(*Theo *Đại Việt sử kí toàn thư- Ngô Sĩ Liên)*

* *Chú thích*

1. **Thái sư:** Chức quan đầu triều thời xưa
2. **Câu đương:** Một chức vụ nhỏ ở xã, giữ việc bắt bớ, áp giải người có tội
3. **Kiệu:** Một phương tiện đi lại thời xưa gồm một chiếc ghế ngồi có mái che và đôi đòn khiêng, thường do bốn người khiêng
4. **Quân hiệu:** Chức quan võ nhỏ
5. **Xã tắc:** Đất nước, nhà nước
6. **Thượng phụ:** Từ xưng hô để tỏ ý tôn kính Trần Thủ Độ (Thượng: bề trên, phụ: cha)

**1. Điền vào bảng trong phần bài làm chữ cái đầu của phương án trả lời đúng nhất**

**Câu 1 ( 0,5 điểm). Sắp xếp các sự việc sau theo đúng trình tự được kể trong văn bản *“Thái sư Trần Thủ Độ”***

1 – Việc Linh Từ Quốc Mẫu bị bọn quân hiệu khinh nhờn.

2 – Việc có người hặc về tình trạng vua quá trẻ, còn Thủ Độ quyền hơn cả vua.

3 – Việc có người nhờ Quốc Mẫu xin cho làm câu đương.

|  |  |
| --- | --- |
| A. 3 – 2 – 1 | B. 2 –3 – 1 |
| C. 3 – 1 – 2 | D. 1 – 2 – 3 |

**Câu 2( 0,5 điểm). Trong truyện, Trần Thủ Độ được đặt vào mấy tình huống ?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. 2 tình huống | B. 3 tình huống |
| C. 4 tình huống | D. 5 tình huống |

**Câu 3 ( 0,5 điểm). Ngô Sĩ Liên đã khắc họa thành công tính cách Thái sư Trần Thủ Độ qua phương diện chủ yếu nào?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Ngoại hình | B. Hành động |
| C. Lời nói | D. Suy nghĩ |

**Câu 4( 0,5 điểm). *“Bệ hạ còn trẻ mà thái sư chuyên quyền, không biết rồi xã tắc sẽ ra sao”*. Câu nói có hàm ý gì ?**

A. Thủ Độ chiếm đoạt ngai vàng của vua.

B. Thủ Độ chuyên quyền, phá hoại kỉ cương phép nước.

C. Thủ Độ khinh nhờn, làm mất thể diện của nhà vua trẻ.

D. Thủ Độ không trung thành với nhà vua trẻ.

**Câu 5 ( 0,5 điểm). Khi nghe có người hặc tội chuyên quyền của mình, Thủ Độ xác nhận: *“Quả có chuyện như vậy. Xin bệ hạ quở trách thần và ban thưởng cho người nói thật”*. Cách ứng xử như vậy cho thấy Thủ Độ là người:**

A. Có bản lĩnh, độ lượng, rộng rãi, không nghiệt ngã tư thù

B. Có bản lĩnh, biết khích lệ thành ý của người khác

C. Có bản lĩnh, không sợ bị hiểu lầm, luôn khích lệ ý thức vì xã tắc

D. Có bản lĩnh, vững tin ở sự quang minh chính đại của mình

**Câu 6 ( 0,5 điểm). Câu nói với người quân hiệu *“Ngươi ở chức thấp mà biết giữ phép nước như thế, ta còn trách gì nữa.”* cho thấy nguyên tắc đánh giá, nhìn nhận con người và sự việc của Trần Thủ Độ như thế nào?**

A. Bất kì ai và với bất kì lí do gì cũng không được quyền oán trách, dập vùi những người đang thực thi nhiệm vụ để giữ nghiêm phép nước.

B. Bất cứ ai cũng phải giữ phép nước, những người ở chức cao thì càng phải biết giữ phép nước hơn.

C. Bất cứ ai biết giữ phép nước đều đáng khen.

D. Kẻ đáng trách là người ỷ quyền thế, không tôn trọng phép nước chứ không phải là người quân hiệu làm đúng bổn phận của mình.

**Câu 7 ( 0,5 điểm). Dòng nào sau đây nêu không đúng những mục đích đạt được trong câu nói của Trần Thủ Độ với kẻ xin giữ chức câu đương ?**

A. Vừa nhắc khéo được vợ, vừa răn đe được kẻ ỷ thế quen biết để xin chức tước

B. Vừa bộc lộ được thái độ nghiêm khắc, vừa bộc lộ được bản tính hóm hỉnh

C. Vừa tỏ ra ưu ái, biệt đãi “người trong nhà”, vừa chí công vô tư, giữ nguyên được phép nước

D. Thật nghiêm khắc với một người, cũng là để nêu bài học cho nhiều người

**Câu 8 ( 0,5 điểm). Sự đối lập trong cách đánh giá của Linh Từ Quốc Mẫu với Trần Thủ Độ về người quân hiệu có tác dụng gì trong việc thể hiện nhân vật và chủ đề tác phẩm?**

A. Nhấn mạnh tính phức tạp của mọi sự việc trong đời sống

B. Làm rõ thêm cái khó của những phải người cầm cân nảy mực

C. Làm nổi bật tính cách tốt đẹp của Thủ Độ

D. Cho thấy với Thủ Độ, việc thưởng phạt là rất công minh

**2. Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9 (1,0 điểm).** Em hãy nêu nhận xét của mình về Thái sư Trần Thủ Độ.

**Câu 10 (1,0 điểm).** Qua văn bản, em rút ra được bài học gì cho bản thân ?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của em về sức mạnh của tình mẫu tử trong cuộc sống.

**BÀI LÀM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | Trần Thủ Độ là người cư xử nghiêm minh, không vì tình riêng, nghiêm khắc với bản thân, luôn đề cao kỉ cương, phép nước.  *(HS có thể có nhận xét khác nhưng hợp lí, đúng với nội dung của văn bản, GV vẫn cho điểm tối đa.)* | 1,0 |
|  | **10** | HS rút ra được bài học có ý nghĩa cho bản thân, phù hợp chuẩn mực đạo đức. Dưới đây là một số định hướng:  - Bài học về sự nghiêm khắc, thẳng thắn, cầu thị, độ lượng trong lối sống.  - Bài học về cách ứng xử tế nhị, chí công vô tư luôn đặt việc nước lên trên hết, không tư lợi cho bản,thân và gia đình.  - Dù là ở cương vị nào cũng luôn phải giữ gìn kỉ cương, phép nước...  *(HS nêu được 2 bài học trở lên được 1,0đ; nêu được 1 bài học được 0,5đ)* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* sức mạnh của tình mẫu tử trong cuộc sống |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh xác định đúng kiểu bài nghị luận về một vấn đề của đời sống. Trình bày rõ vấn đề và thể hiện rõ ý kiến (đồng tình hay phản đối) về vấn đề đó; nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. Có thể triển khai theo các nội dung sau:  **\* Mở bài:** Nêu vấn đề nghị luận (Sức mạnh của tình mẫu tử trong cuộc sống).  **\* Thân bài:**  **- Giải thích:** Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng giữa mẹ và con, thể hiện sự gắn bó, yêu thương và chăm sóc, che chở, bảo vệ… của người mẹ dành cho con.  **- Phân tích, chứng minh:**  + Biểu hiện tình mẫu tử:   * Ngay từ những ngày đầu chập chững, mẹ luôn là người nâng đỡ, chở che. * Khi lớn lên, mẹ cũng luôn sát cánh cùng ta trên đường đời đầy gian lao, thử thách * Dành cả cuộc đời lo lắng cho các con mà không mong một sự đáp đền, bởi niềm hạnh phúc lớn nhất của mẹ là được nhìn thấy các con hạnh phúc, trưởng thành (lấy dẫn chứng trong thực tế đời sống và trong văn học)   + Ý nghĩa của tình mẫu tử trong cuộc sống:   * Tình mẫu tử là sức mạnh kì diệu giúp con người vượt lên những khó khăn của cuộc sống. * Làm cuộc đời mỗi người ấm áp hơn, giúp cho mỗi chúng ta có được cuộc sống hạnh phúc. * Tình mẫu tử có thể soi sáng con đường cho mỗi người, giúp con người thức tỉnh khi lầm đường lạc lối, sống tốt hơn và sống có trách nhiệm hơn.   **- Bình luận:**  + Mỗi người cần thấy được vai trò của tình mẫu tử trong cuộc sống, biết trân trọng và gìn giữ tình mẫu tử.  + Mỗi chúng ta hãy dành những hành động thiết thực, cụ thể để đáp đền tình cảm của mẹ dành cho mình.  + Phê phán những kẻ không biết trân trọng tình mẫu tử, có những suy nghĩ, hành động trái với luân thường đạo lí.  **\* Kết bài:**  - Khẳng định lại vấn đề.  - Liên hệ bản thân | 3,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng tạo:* Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |